

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

Bản án số: 27/2023/HS-ST

Ngày: 12/7/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Do;

Bà Nguyễn Thị Chín.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại Điểm cầu trung tâm: Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G. Điểm cầu thành phần: Hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/HSST-QĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L; sinh năm 1986 tại G. Nơi cư trú: Thôn A Dok Kông, xã A Dok, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Trường và bà Trương Thị Luyến; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 01: Năm 2008 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Chư Sê, tỉnh G và bị khởi tố, truy nã. Năm 2017, bị bắt theo Lệnh truy nã, đến ngày 21/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh G xét xử sơ thẩm (Bản án số 63/2017/HSST) và ngày 21/11/2017, Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm, tuyên phạt 06 tháng tù tại Bản án số 80/2017/HS-PT (chưa được xoá án tích); tiền sự: Không;

Năm 2019, thực hiện hành vi đặt người khác làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 29/10/2019, ngày 14/01/2020, sử dụng các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 29/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định khởi tố, sau đó quyết định truy nã. Ngày 15/11/2022, bị cáo bị bắt, tạm giữ và tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Phạm Như TH, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ 10, phường Hoa Lư, thành phố PL, tỉnh G. Vắng mặt.

Anh Nguyễn Đình P, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ 01, phường Thắng Lợi, thành phố PL, tỉnh G. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Phòng Công chứng số 01, tỉnh G. Địa chỉ: 46 Lê Thánh Tôn, phường I, thành phố PL, tỉnh G. Vắng mặt.

Văn phòng công chứng Đặng Minh K. Địa chỉ: 674 Phạm Văn Đồng, phường Yên Thế, thành phố PL, tỉnh G. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G chi nhánh huyện Đ. Địa chỉ: 156 Nguyễn Huệ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/02/2020, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G chi nhánh huyện Đ (Văn phòng đăng ký đất đai Đ) tiếp nhận hồ sơ chuyển nhượng đất của Nguyễn Văn L chuyển nhượng cho anh Phạm Như TH. Thửa đất mà L chuyển nhượng cho anh TH thuộc thửa số 105, tờ bản đồ số 31, diện tích 1264,8m² tại thôn Blo, xã A Dơ, huyện Đ, tỉnh G. Sau khi tiếp nhận hồ sơ chuyển nhượng, Văn phòng đăng ký đất đai Đ kiểm tra, thẩm định và phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ) số CN372683 mang tên Nguyễn Văn L có dấu hiệu bị làm giả. Ngày 28/02/2020, Văn phòng đăng ký đất đai Đ đã trình báo vụ việc đến Công an huyện Đ để đề nghị điều tra, xử lý. Đồng thời, anh TH cũng làm đơn tố cáo Nguyễn Văn L với nội dung qua mối quan hệ quen biết nên cuối năm 2019, Nguyễn Văn L có đến gặp anh Phạm Như TH để vay số tiền 300.000.000 đồng. Lúc này L nói có 01 Giấy CNQSDĐ vườn cà phê đang cầm cố, thế chấp tại tiệm cầm đồ trên đường Lê Duẩn, thành phố PL với số tiền 150.000.000 đồng. Do tin tưởng nên anh TH đã đưa cho L

số tiền 150.000.000 đồng để L đi lấy Giấy CNQSDĐ đang cầm cố. Ngày 29/10/2019, Nguyễn Văn L mang 01 Giấy CNQSDĐ giả và cùng anh TH đi đến Văn phòng Công chứng Đặng Minh Khanh tại số 674 Phạm Văn Đồng, thành phố PL, tỉnh G để lập hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất như thỏa TH nêu trên. Đến ngày 30/10/2019, Nguyễn Văn L đến nhà anh TH để nhận thêm số tiền 150.000.000 đồng còn lại và hai bên viết 01 Giấy mượn tiền với nội dung L mượn của anh TH số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thanh toán từng tháng và chậm nhất là 02 tháng. Nếu không đúng như thỏa TH thì anh TH có quyền làm thủ tục sang tên mảnh đất của L. Tuy nhiên, sau đó L đã bỏ đi khỏi địa phương và điện thoại di động không liên lạc được nên anh TH mang Giấy CNQSDĐ cùng hợp đồng chuyển nhượng đến Văn phòng đăng ký đất đai Đ để làm thủ tục thì phát hiện Giấy CNQSDĐ mà Nguyễn Văn L giao là giả.

Bên cạnh đó, ngày 03/3/2020, anh Nguyễn Đình P có đơn trình báo đến Công an huyện Đ với nội dung: Ngày 14/01/2020, anh P và Nguyễn Văn L có thỏa TH về việc chuyển nhượng đất. Theo đó, L chuyển nhượng cho anh P thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31, diện tích 1264,8m² tại thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ, tỉnh G. Toàn bộ diện tích đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp Giấy CNQSDĐ số CN372683 ngày 07/9/2018 mang tên Nguyễn Văn L. Hai bên thỏa TH giá trị chuyển nhượng lô đất trên là 160.000.000 đồng và trong ngày 14/01/2020, hai bên đã đến Phòng Công chứng số 1 tỉnh G để lập Hợp đồng ủy quyền về việc anh P có quyền quản lý, sử dụng, chuyển nhượng đối với thửa đất này và L đã giao Giấy CNQSDĐ số CN372683 cho anh P. Làm xong thủ tục hợp đồng, Nguyễn Văn L cùng đi về nhà anh P để nhận tiền và anh P đã giao cho L 20.000.000 đồng triệu đồng tiền mặt, đồng thời chuyển vào tài khoản Ngân hàng của L số tiền 130.000.000 đồng. Hai bên có lập Giấy thỏa TH giao nhận tiền đặt cọc mua bán đất với số tiền là 150.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng anh P đến Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ để xác minh thửa đất thì được thông báo Giấy CNQSDĐ số CN 372683 ngày 07/9/2018 mang tên Nguyễn Văn L có dấu hiệu bị làm giả.

Ngày 29/04/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G đã có Kết luận Giám định số 363/KLGD với nội dung:

+ 02 (hai) phôi “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN TRÊN ĐẤT”, số CN 372683 mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2) là giả.

+ Chữ ký đứng tên “Lương Thanh Bình” trên các “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN TRÊN ĐẤT” số CN 372683 (mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2) so với chữ

ký, chữ viết của Lương Thanh Bình trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M3 đến M7) là không phải do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM – TỈNH G – SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên các “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN TRÊN ĐẤT” (mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M3 đến M7) là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Kết quả điều tra xác định: Nguyễn Văn L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp Giấy CNQSDĐ số CN372683 ngày 07/9/2018 đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31, diện tích 1264,8m² tại thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ, tỉnh G. Ngày 28/9/2018, Nguyễn Văn L đã thỏa TH và làm thủ tục uỷ quyền sử dụng, thế chấp đối với thửa đất này cho Đoàn Vĩnh Hoàng (sinh năm 1992, trú tại phường Ia Kring, thành phố PL, tỉnh G), đồng thời đã giao Giấy CNQSDĐ này cho Hoàng. Đến năm 2019, Nguyễn Văn L đã vào mạng Internet để tìm người làm Giấy CNQSDĐ giả. Sau khi tìm được người nhận làm Giấy CNQSDĐ giả, L đã chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng cho người này, đồng thời chụp ảnh lại bản photocopy Giấy CNQSDĐ thật của L (đã giao cho Hoàng) gửi qua ứng dụng Facebook cho người này để đặt làm giả 02 Giấy CNQSDĐ. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên L không nhớ được đã chuyển khoản qua Ngân hàng nào và chiếc điện thoại mà L sử dụng đã bị mất nên L không nhớ được địa chỉ Facebook đã sử dụng để liên lạc với người nhận làm giấy tờ giả. Sau khi làm xong Giấy CNQSDĐ giả, người này đã gửi cho Nguyễn Văn L bằng đường xe ô tô khách và liên lạc qua số điện thoại di động mà L cung cấp. Nguyễn Văn L đã sử dụng 02 Giấy CNQSDĐ giả này để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Phạm Như TH và anh Nguyễn Đình P như đã nêu trên.

Quá trình điều tra và truy tố Nguyễn Văn L chỉ thừa nhận có nhận của anh Nguyễn Đình P số tiền là 70.000.000 đồng và nhận của anh Phạm Như TH số tiền 120.000.000 đồng. Tuy nhiên, bằng các chứng cứ đã thu thập được, có đủ căn cứ xác định Nguyễn Văn L đã sử dụng Giấy CNQSDĐ giả (số CN 372683) để ký hợp đồng chuyển nhượng cho anh Phạm Như TH và ký hợp đồng uỷ quyền cho anh Nguyễn Đình P được toàn quyền quản lý, sử dụng, chuyển nhượng đối với lô đất này để chiếm đoạt tổng số tiền 450.000.000 đồng. Để có được các Giấy CNQSDĐ giả (số CN372683) mang đi lừa người bị hại để lấy tiền, bị cáo Nguyễn Văn L đã đặt người khác làm tương tự như hình ảnh bản photocopy Giấy CNQSDĐ thật do bị cáo cung cấp. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ đi khỏi nơi cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã quyết định truy nã và đến ngày 15/11/2022

mới bắt giữ được bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo L thừa nhận có nhận của anh Nguyễn Đình P số tiền là 150.000.000 đồng và nhận của anh Phạm Như TH số tiền 300.000.000 đồng như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.

* *Về dân sự*: Bị hại Phạm Như TH yêu cầu bị cáo L hoàn trả số tiền 300.000.000 đồng và anh Nguyễn Đình P yêu cầu bị cáo L hoàn trả số tiền 150.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 27 tháng 2 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Nguyễn Văn L và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 09 (*chín*) năm đến 10 (*mười*) năm tù.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 03 (*ba*) năm 6 (*sáu*) tháng đến 4 (*bốn*) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của hai tội từ 12 (*mười hai*) năm 6 (*sáu*) tháng đến 14 (*mười bốn*) năm tù.

Về dân sự:

Đề nghị áp dụng Điều 584; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường cho bị hại Phạm Như TH số tiền 300.000.000 đồng và bị hại Nguyễn Đình P số tiền 150.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là 22.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Văn L chỉ thừa nhận có nhận của anh Nguyễn Đình P số tiền là 70.000.000 đồng và nhận của anh Phạm Như TH số tiền 120.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L đồng ý với quyết định truy tố và bản luận tội của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

Căn cứ vào các tình tiết, chứng cứ nêu trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và hình phạt:

Khoảng cuối năm 2019, L tìm trên mạng internet và cung cấp hình ảnh chụp lại bản photocopy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật số CN 372683 mang tên Nguyễn Văn L đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 31, có diện tích 1264,8m² và địa chỉ thuộc thôn Blo, xã A Dơk, huyện Đ, tỉnh G mà L đã bán cho người khác để thuê một đối tượng trên mạng xã hội facebook (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương tự. Đến ngày 29/10/2019, Nguyễn Văn L đã sử dụng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lập hợp đồng chuyển nhượng đối với anh Phạm Như TH để lấy số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 14/01/2020, Nguyễn Văn L tiếp tục sử dụng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả còn lại lập hợp đồng uỷ quyền đối với anh Nguyễn Đình P để lấy số tiền 150.000.000 đồng rồi bỏ đi khỏi nơi cư trú.

Hành vi sử dụng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng số tiền 450.000.000 đồng nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn L là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Hành vi đó của bị cáo Nguyễn Văn L đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và hành vi đặt người khác làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi sử dụng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 450.000.000 đồng của người khác do bị cáo Nguyễn Văn L thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, trật tự trị an xã hội tại địa phương. Hành vi đó của bị cáo Nguyễn Văn L đã phạm vào tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy phải áp dụng cho bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mới đủ tính chất răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với các Công chứng viên thuộc Văn phòng Công chứng Đặng Minh Khanh tại số 674 Phạm Văn Đồng, thành phố PL, tỉnh G và Phòng Công chứng số 1 tỉnh G tại số 46 Lê Thánh Tôn, phường Ia Kring, thành phố PL, tỉnh G đã chứng thực xác nhận các hợp đồng chuyển nhượng đất và hợp đồng uỷ quyền giữa bị cáo Nguyễn Văn L với những người bị hại Phạm Như TH, Nguyễn Đình P. Tuy nhiên, các Công chứng viên hoàn toàn không biết các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Nguyễn Văn L mang đến để giao dịch là giả nên không có căn cứ để điều tra, xử lý là phù hợp.

Đối với đối tượng làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Nguyễn Văn L đặt làm trên mạng xã hội internet, Nguyễn Văn L không nhớ được đã chuyển khoản qua Ngân hàng nào và chiếc điện thoại mà L sử dụng đã bị mất nên L không nhớ được địa chỉ Facebook đã sử dụng để liên lạc với người nhận làm giấy tờ giả, nên chưa có đủ căn cứ khởi tố đối tượng này về hành vi Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong vụ án này. Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tiếp tục điều tra để xử lý đối tượng theo đúng quy định pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo hai lần thực hiện hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Ngoài ra, bị cáo đang có một tiền án chưa được xoá án tích nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội.

- Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và truy tố bị cáo không thừa nhận chỉ thừa nhận có nhận của anh Nguyễn Đình P số tiền là 70.000.000 đồng và nhận của anh Phạm Như TH số tiền 120.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo L thành khẩn khai báo thừa nhận có nhận của anh Nguyễn Đình P số tiền là 150.000.000 đồng và nhận của anh Phạm Như TH số tiền 300.000.000 đồng như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và ăn năn hối cải với hành vi của bị cáo gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Như TH yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 300.000.000 đồng và anh Nguyễn Đình P yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 150.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền này cho bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của các bị hại là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 22.000.000 đồng (*hai mươi hai triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 584; 586; 589 của Bộ luật Dân sự;

- Căn Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn L 09 (*chín*) năm 6 (*sáu*) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Bị cáo Nguyễn Văn L 3 (*ba*) năm 6 (*sáu*) tháng tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 13 (*mười ba*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ và tạm giam (ngày 15/11/2022).

3. Về dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường cho bị hại Phạm Như TH số tiền 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) và anh Nguyễn Đình P số tiền 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Xử buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/7/2023), bị cáo và bị hại P có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại TH và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh G;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh G;
- Cơ quan Thi hành án tỉnh G;
- Cơ quan điều tra - Công an huyện Đ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ/VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thơ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỈNH G
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
HUYỆN Đ

Số: 18/CT-VKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đ, ngày 30 tháng 5 năm 2019

CÁO TRẠNG

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Căn cứ các Điều 41, 236, 239 và 243 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 06 ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, về tội: “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự;

Căn cứ các Quyết định khởi tố bị cáo số 10, 11, 12, 13 và 14 ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đối với Dên, Quy, Lương, Djông, về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đối với Hlip, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự;

Căn cứ Bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 19 ngày 10/5/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ,

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Ông Nguyễn Bá Thường (Sinh năm 1964, trú tại: Số nhà 418 Phạm Văn Đồng, phường Đồng Đa, thành phố PL, tỉnh G) mua đất rẫy và trồng 07 ha cà phê tại khu vực thôn Hàm Rồng, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G, ông Thường có thuê Suyến (Sinh năm 1994, trú tại: Thôn Ô Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G) hàng ngày chăm sóc và trông coi vườn rẫy cà phê.

Vào chiều ngày 02/01/2019, Dên ngồi uống rượu tại quán thịt chó Nhả tại ngã ba thôn Hàm Rồng, xã Ia Băng, huyện Đ cùng với Quy; Lương và Djông. Do trước đó Dên và Quy có hái cà phê thuê cho ông Nguyễn Bá Thường, biết tại rẫy cà phê nhà ông Thường đang phơi cà phê nên Dên nảy sinh ý định trộm cắp cà phê của ông Thường và hỏi Quy “Cà phê nhà Thường khô chưa?”, do Quy đi làm ngang qua thấy tại rẫy nhà ông thường đang xay cà phê nên Quy nói với Dên “Cà phê khô rồi, đang thuê người xay”. Dên rủ Quy, Lương và Djông đi trộm cắp cà phê của nhà ông Thường bán lấy tiền tiêu xài thì tất cả đồng ý.

Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 02/01/2019, Dên điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 81B2 - 429.47 (xe của gia đình Dên) chở Quy; Djông điều khiển xe mô tô BKS 81F1- 9639 (xe của gia đình Lương) chở Lương đi trộm cắp cà phê. Dên chở Quy đi đến quán tạp hóa Hậu Hiền, tại: Thôn Ô Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, Dên đưa tiền cho Quy để mua 10 vỏ bao cước đựng cà phê hết 30.000đ (Ba mươi ngàn đồng). Sau đó tất cả đi đến nhà rẫy của gia đình Dên (gần rẫy nhà ông Thường) cất 02 xe mô tô tại đây rồi đi bộ đến rẫy cà phê của gia đình ông Thường. Khi đến nơi, thì tất cả trèo qua hàng rào lưới B40 để đi vào bên trong khu vực rẫy thì phát hiện thấy cà phê vỏ đang phơi dọc theo đường đi từ đầu rẫy đến cuối rẫy (đường bằng bê tông, từ hướng nam qua hướng bắc dài 267 mét x rộng 4,73 mét). Dên cùng Lương và Djông hốt trộm cà phê vỏ đang phơi, còn Quy đi bộ xuống phía dưới nhà rẫy có điện sáng để canh giới (cách chỗ phơi cà phê là 180 mét). Trên đường đi, Quy phát hiện tại vị trí xay xát cà phê (cách vị trí đang phơi cà phê vỏ là 25 mét) có để 05 bao cà phê nhân (có bao đầy, bao vơi) nên Quy quay lại nói với Dên, Lương và Djông không lấy cà phê vỏ nữa mà đi xuống lấy trộm cà phê nhân. Tất cả đi xuống khu vực nhà rẫy dồn 05 bao cà phê nhân vào 03 bao rồi thay nhau vác đưa ra bên ngoài hàng rào lưới B40 và mang đến cất giấu tại vườn cà phê của gia đình Djông (cách vườn cà phê của ông Thường khoảng 500m), sau đó lấy xe mô tô chở nhau đi về nhà ngủ.

Chiều ngày 04/01/2019, Dên điện thoại rủ Lương, Quy, Djông và Hlip đến nhà rẫy của anh Yên uống rượu (Yên là anh rể vợ Dên). Sau khi uống rượu xong thì Yên về nhà trước, Hlip còn ở lại chơi thì Dên rủ Hlip cùng tham gia đi bán cà phê đã trộm cắp. Hlip có hỏi về nguồn gốc cà phê ở đâu có mà bán thì Dên nói cho Hlip biết là cà phê trộm cắp tại rẫy của ông Thường, Hlip đồng ý cùng đi bán.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 04/01/2019, Dên, Quy, Lương, Djông và Hlip đến rẫy cà phê của Djông chở cà phê trộm cắp đi bán, trong đó Quy đi xe mô tô BKS 81C1-044.32 (xe của bố mẹ Quy) chở 01 bao, Lương đi xe mô tô BKS 81F1- 9639 (xe của bố mẹ Lương) chở 01 bao, Hlip đi xe mô tô BKS 81R2- 0327 (là xe của bố vợ tên Nhor) chở 01 bao và chở Djông, Dên đi xe mô tô BKS 81B2-429.47 đi một mình. Các bị cáo chở cà phê trộm cắp được đến Doanh nghiệp thu mua nông sản Ngọc Chương tại xã Chư Hdrông, thành phố PL, tỉnh G gặp anh Trần Ngọc Chương để bán. Hlip và Dên trực tiếp đưa 03 bao cà phê vào bán, còn các bị cáo khác đứng bên ngoài chờ. Anh Chương trực tiếp cân 03 bao cà phê nhân trên được tổng cộng là 145,9kg, sau đó chị Phạm Thị Hiền là kế toán doanh nghiệp viết phiếu tính tiền giá 34.000đ/01kg (theo giá mua tại thời điểm hiện tại), được số tiền là 4.959.000 đ (Bốn triệu, chín trăm năm mươi chín ngàn đồng) đưa cho Hlip, Hlip đưa lại tiền cho Dên cầm. Dên chia cho mỗi người 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) để tiêu xài cá nhân, số tiền còn lại các bị cáo rủ nhau đi uống rượu và hát Karaokê hết.

Vào sáng ngày 03/01/2019, anh Suyến (người trông coi rẫy cho ông Thường) phát hiện cà phê của ông Thường bị mất trộm nhưng ông Thường đang đi họp tại thành phố Hồ Chí Minh nên điện thoại nhờ anh Trần Trọng Hòa (là em rể) viết đơn trình báo vụ việc đến Cơ quan điều tra Công an huyện Đ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/01/2019, sau khi mua cà phê của Hlip và Dên bán, anh Chương nghi ngờ các bị cáo đã trộm cắp cà phê nên đã điện báo cáo Công an huyện Đ để điều tra làm rõ, xử lý vụ việc theo quy định. Cơ quan điều tra đã triệu tập các bị cáo để làm việc đồng thời tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp và bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Dên, Quy, Lương, Djông và Hlip để xử lý theo quy định.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 67 ngày 10/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định 145,9kg cà phê nhân có trị giá là: 4.858.000 đồng.

*** Vật chứng thu giữ gồm:**

- 04 xe mô tô (Xe mô tô BKS 81B2- 429.47 do Dên giao nộp; xe mô tô BKS 81R2- 0327 do Hlip giao nộp; xe mô tô BKS 81F1- 9639 do Lương giao nộp; xe mô tô BKS 81C1- 044.32 do Quy giao nộp). Quá trình điều tra xác định xe mô tô BKS 81B2- 429.47 là của gia đình ông Djongh (là bố của Dên); xe mô tô BKS 81R2- 0327 là của gia đình ông Nhor (là bố vợ của Hlip); xe mô tô BKS 81F1- 9639 là xe của gia đình bà Glah (là mẹ của Lương); xe mô tô BKS 81C1- 044.32 của gia đình bà A Minh (là mẹ của Quy). Khi các bị cáo sử dụng xe mô tô đi thực hiện hành vi phạm tội ông Djongh, ông Nhor, bà Glah và bà A Minh không biết nên không có căn cứ để xử lý đối với ông Djongh, ông Nhor, bà Glah và bà A Minh. Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại tài sản là xe mô tô cho chủ sở hữu theo quy định.

- Tiền Việt Nam đồng là 1.100.000 đồng, trong đó: Tạm giữ của Hlip số tiền 500.000 đồng; Quy số tiền 500.000 đồng và Djông số tiền 100.000 đồng là tiền có được khi bán tài sản do trộm cắp mà có. Tuy nhiên, quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 5.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Bá Thường (mỗi bị cáo bồi thường 1.000.000 đồng) nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả lại cho Hlip, Quy và Djông theo quy định.

Đối với 145,9kg cà phê nhân khô, sau khi mua của Hlip và Dên bán, anh Trần Ngọc Chương đã trộn lẫn với cà phê của Doanh nghiệp và đã xuất bán nên không thu hồi được.

Đối với 10 chiếc bao mà các bị cáo để lại hiện trường, sau khi dọn dẹp anh Suyền đã đốt nên không thu giữ được.

*** Về dân sự:**

- Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong về dân sự cho ông Nguyễn Bá Thường số tiền 5.000.000 đồng, ông Thường đã nhận đủ số tiền trên và không còn yêu cầu gì thêm.

Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ nêu trên,

KẾT LUẬN

Vào khoảng 21 giờ, ngày 02/01/2019, tại rẫy cà phê của gia đình ông Nguyễn Bá Thường thuộc thôn O Yô, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G lợi dụng lúc trời tối nên Dên, Quy, Djông và Lương đã trộm cắp 03 bao cà phê nhân, có trọng lượng là 145,9kg mang về khu vực nhà rẫy của gia đình bị cáo Djông cất giấu. Đến ngày 04/01/2019, các bị cáo Dên, Quy, Djông và Lương rủ thêm Hlip (Hlip biết số cà phê trên là do các bị cáo trộm cắp mà có) chở 03 bao cà phê trộm cắp được đến bán cho Doanh nghiệp thu mua nông sản Ngọc Chương được số tiền là 4.959.000 đồng. Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt qua định giá có trị giá là: 4.858.000 đồng.

Đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, không có sự cấu kết chặt chẽ nên đây là vụ án đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn. Trong đó, bị cáo Dên là người khởi xướng việc phạm tội, quá trình phạm tội rất tích cực nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án; các bị cáo Quy, Djông và Lương là đồng phạm, tham gia trong vụ án với vai trò là người thực hành. Bị cáo Hlip phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Như vậy có đủ căn cứ xác định bị cáo có lý lịch dưới đây đã phạm tội như sau:

LÝ LỊCH BỊ CÁO

1. Bị cáo thứ nhất

Họ và tên: **Đên**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam
Sinh năm 1992, tại tỉnh G;
Nơi cư trú: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;
Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc: Jarai; Tôn giáo: Tin Lành
Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12;
Cha: Siu DJonh, sinh năm 1966;
Mẹ: Par, sinh năm 1968;
Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;
Gia đình bị cáo có 04 chị, em; lớn nhất sinh năm 1987; nhỏ nhất sinh năm 1996, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình.
Vợ: Ngâu, sinh năm 2000;
Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2018;
Hiện vợ và con bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G.

Quá trình hoạt động của bị cáo:

Từ khi sinh ra và lớn lên được cha mẹ cho đi học hết lớp 6/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông phụ giúp gia đình.

- Ngày 02/01/2019, có hành vi cùng đồng phạm "Trộm cắp tài sản" tại xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G. Ngày 11/01/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố, điều tra để xử lý theo quy định.

Tiền án; tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt từ ngày 05/01/2019 đến ngày 11/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh.

2. Bị cáo thứ hai

Họ và tên: **Quy**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam
Sinh năm 1992, tại tỉnh G;
Nơi cư trú: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;
Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc: Jarai; Tôn giáo: Tin Lành
Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12;
Cha: Ueng, sinh năm 1945;
Mẹ: A Minh, sinh năm 1950;
Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;

Gia đình bị cáo có 03 chị, em; lớn nhất sinh năm 1988; nhỏ nhất sinh năm 1995, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình.

Vợ: Ngunh, sinh năm 1995;

Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2014;

Hiện vợ và con bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G.

Quá trình hoạt động của bị cáo:

Từ khi sinh ra và lớn lên được cha mẹ cho đi học hết lớp 5/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông phụ giúp gia đình.

- Ngày 02/01/2019, có hành vi cùng đồng phạm "Trộm cắp tài sản" tại xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G. Ngày 11/01/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố, điều tra để xử lý theo quy định.

Tiền án; tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt từ ngày 05/01/2019 đến ngày 11/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh.

3. Bị cáo thứ ba

Họ và tên: **Lương**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh năm 1997, tại tỉnh G;

Nơi cư trú: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;

Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc: Jarai; Tôn giáo: Tin Lành

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 2/12;

Cha: Ling, sinh năm 1966;

Mẹ: Glah, sinh năm 1968;

Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;

Gia đình bị cáo có 06 chị, em; lớn nhất sinh năm 1991; nhỏ nhất sinh năm 2004, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình.

Vợ: Gơn, sinh năm 1999;

Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2015;

Hiện vợ và con bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G.

Quá trình hoạt động của bị cáo:

Từ khi sinh ra và lớn lên được cha mẹ cho đi học hết lớp 2/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông phụ giúp gia đình.

- Ngày 02/01/2019, có hành vi cùng đồng phạm "Trộm cắp tài sản" tại xã Ia Bông, huyện Đ, tỉnh G. Ngày 11/01/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố, điều tra để xử lý theo quy định.

Tiền án; tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt từ ngày 05/01/2019 đến ngày 11/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh.

4. Bị cáo thứ tư

Họ và tên: **DJông**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh năm 1985, tại tỉnh G;

Nơi cư trú: Thôn O Yố, xã Ia Bông, huyện Đ, tỉnh G;

Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc: Jarai; Tôn giáo: Tin Lành

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12;

Cha: Dinh, sinh năm 1963;

Mẹ: Yil, sinh năm 1965;

Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Bông, huyện Đ, tỉnh G;

Gia đình bị cáo có 04 anh, em; lớn nhất sinh năm 1985; nhỏ nhất sinh năm 1993, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình.

Vợ: Pen, sinh năm 1985;

Bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2019;

Hiện vợ và các con bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Bông, huyện Đ, tỉnh G.

Quá trình hoạt động của bị cáo:

Từ khi sinh ra và lớn lên được cha mẹ cho đi học hết lớp 6/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông phụ giúp gia đình.

- Ngày 02/01/2019, có hành vi cùng đồng phạm "Trộm cắp tài sản" tại xã Ia Bông, huyện Đ, tỉnh G. Ngày 11/01/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố, điều tra để xử lý theo quy định.

Tiền án; tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt từ ngày 05/01/2019 đến ngày 11/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh.

5. Bị cáo thứ năm

Họ và tên: **Hlip**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh năm 1991, tại tỉnh G;

Nơi cư trú: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;
Quốc tịch : Việt Nam; Dân tộc: Jarai; Tôn giáo: Tin Lành
Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12;
Cha: Huin, sinh năm 1960;
Mẹ: Hut, sinh năm 1962;
Hiện cha mẹ bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G;
Gia đình bị cáo có 09 chị, em; lớn nhất sinh năm 1973; nhỏ nhất sinh năm 1997, bị cáo là con thứ 8 trong gia đình.
Vợ: Myin, sinh năm 1991;
Bị cáo chưa có con;
Hiện vợ bị cáo trú tại: Thôn O Yố, xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G.

Quá trình hoạt động của bị cáo:

Từ khi sinh ra và lớn lên được cha mẹ cho đi học hết lớp 4/12 thì nghỉ học ở nhà làm nông phụ giúp gia đình.

- Ngày 02/01/2019, có hành vi cùng đồng phạm "Trộm cắp tài sản" tại xã Ia Băng, huyện Đ, tỉnh G. Ngày 11/01/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố, điều tra để xử lý theo quy định.

Tiền án; tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt từ ngày 05/01/2019 đến ngày 11/01/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh.

Hành vi của các bị cáo Dên, Quy, Lương và DJông là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt có trị giá là 5.150.000 đồng. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Hlip mặc dù biết được tài sản do bị cáo Dên cùng đồng phạm trộm cắp mà có nhưng vẫn giúp sức cùng với các bị cáo Dên, Quy, Lương và DJông đi tiêu thụ tài sản, tài sản mà bị cáo tiêu thụ có trị giá là 5.150.000 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường

hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a, Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b, Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm..."

Tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định:

" 1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..."

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với anh Trần Ngọc Chương và chị Phạm Thị Hiền là người đã trực tiếp mua số cà phê do Dên cùng đồng phạm trộm cắp mà có, khi mua anh Chương và chị Hiền không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý về hình sự đối với anh Chương và chị Hiền là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G để xét xử các bị cáo Dên, Quy, Lương và DJông, có lý lịch nêu trên về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Hlip, có lý lịch nêu trên về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

2. Kèm theo Cáo trạng có:

- Hồ sơ vụ án gồm có: 01 tập, được đánh số từ 01 đến 284.

- Danh sách những người VKS đề nghị Tòa án triệu tập đến phiên tòa./.

Nơi nhận:

- VKS Tỉnh (P3);
- CQĐT- CAH. Đ;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu Hồ sơ KS.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Kỳ